

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 15-03-2024

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dũng và ông Nguyễn Thế Anh

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Hải Sâm- Thư ký TAND huyện Diễn Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu tham gia phiên toà:
Ông Nguyễn Văn Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 03 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 357/2023/TLST-HNGĐ ngày 28/11/2023 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/02/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Hoàng Thị V, sinh năm 1985. Có mặt

Địa chỉ: xóm H, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An

2. Bị đơn: anh Hoàng Văn T, sinh năm 1980. Có mặt.

Địa chỉ: xóm H, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn là chị Hoàng Thị V trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn T kết hôn trên cơ sở hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn theo theo Giấy đăng ký kết hôn số 29 do UBND xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An cấp ngày 29/03/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống; anh Hoàng Văn T đi theo Hội đức thánh chúa trời, không sống và làm việc như trước đây, không theo phong tục tập quán như người Việt Nam sống; thường xuyên tìm cách lôi kéo vợ con vào hội, tự ý bỏ việc khiến kinh tế gia đình sa sút, thường xuyên đi theo hội liên tục nhiều ngày không quan tâm chăm sóc gì đến gia đình, vợ con. Do quan điểm sống, nuôi

dạy con cái không còn phù hợp, lối sống và suy nghĩ khác nhau nên vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người ở một nhà (nhà trên và nhà dưới), không sinh hoạt chung từ 03 năm nay. Nay chị V xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể khắc phục được, mục đích hôn nhân là để vợ chồng thương yêu chăm sóc lo lắng cho nhau, lo lắng làm ăn xây dựng gia đình hạnh phúc tiến bộ không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung là Hoàng Văn N, sinh ngày 23/10/2011; Hoàng Gia K, sinh ngày 22/08/2013 và Hoàng Văn K1, sinh ngày 21/11/2019. Anh T thường xuyên vắng nhà nên các con do chị V chăm sóc là chủ yếu. Ly hôn chị V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Văn K1 và Gia K vì hai cháu còn nhỏ và giao cháu Văn N cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng vì cháu Văn N lớn hơn các em, có thể tự lo lắng chăm sóc bản thân. Chị V không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình chung sống vợ chồng không nhận con nuôi, cũng không ai có con riêng.

Về tài sản: nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là anh Hoàng Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh Hoàng Văn T thừa nhận thời gian, điều kiện đăng ký kết hôn, tình trạng hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn đúng như nguyên đơn trình bày. Anh T thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu từ khi anh tham gia nghiên cứu lễ thật trong kinh thánh với nhiều anh em ở trên nhóm trên mạng, nhưng chị V không đồng ý nên vợ chồng cãi nhau, một số lần xảy ra xô xát. Anh cũng có khuyên vợ con tham gia học để thực hiện vì cái này rất hay nhưng chị V không đồng ý, quan điểm về nuôi dạy con cái của hai vợ chồng cũng khác nhau. Nay chị V làm đơn xin ly hôn thì Anh Hoàng Văn T cũng xét thấy mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Anh T công nhận quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung là Hoàng Văn N, sinh ngày 23/10/2011; Hoàng Gia K, sinh ngày 22/08/2013 và Hoàng Văn K1, sinh ngày 21/11/2019. Ly hôn, anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Gia K và cháu Văn K1; giao Hoàng Văn N cho chị V nuôi dưỡng; không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Bị đơn cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Châu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của

pháp luật tổ tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Hoàng Thị V và anh Hoàng Văn T;

Về nuôi con chung: Giao con chung là Hoàng Vân N, sinh ngày 23/10/2011 cho anh Hoàng Văn T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao 02 con chung là Hoàng Gia K, sinh ngày 22/08/2013 và Hoàng Vân K1, sinh ngày 21/11/2019 cho chị Hoàng Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Hoàng Thị V và anh Hoàng Văn T;

Về tài sản: do các đương sự đều không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về án phí: buộc chị Hoàng Thị V phải chịu án phí ly hôn theo quy định; Đề nghị tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung; bị đơn hiện cư trú tại huyện D, tỉnh Nghệ An nên Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị V và anh Hoàng Văn T kết hôn trên cơ sở hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn theo Giấy đăng ký kết hôn số 29 do UBND xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An cấp ngày 29/03/2011 vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị V và anh Hoàng Văn T là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự đều thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không còn phù hợp về tính tình và quan điểm sống nên đã sống ly thân, không quan tâm chăm sóc nhau từ mấy năm nay, đều xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn nhau. Căn cứ lời khai của các đương sự, kết quả xác minh tại nơi cư trú cho thấy: mâu thuẫn vợ chồng của chị Hoàng Thị V và anh Hoàng Văn T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung vợ chồng thực tế không

còn. Vì vậy, việc nguyên đơn yêu cầu được ly hôn, bị đơn đồng ý là phù hợp với quy định tại Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân gia đình nên cần chấp nhận.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thống nhất quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung là Hoàng Vân N, sinh ngày 23/10/2011; Hoàng Gia K, sinh ngày 22/08/2013 và Hoàng Vân K1, sinh ngày 21/11/2019. Vợ chồng không nhận con nuôi, không ai có con riêng. Nguyên đơn có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Gia K và cháu Vân K1; giao cháu Gia N1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Bị đơn có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Gia K và Vân K1 vì cháu Gia K là con trai, cháu Gia K2 đã trên 3 tuổi. Không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Các đương sự đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, nguyện vọng của các đương sự là chính đáng, phù hợp với các quy định của pháp luật cần xem xét giải quyết cụ thể. Chị Hoàng Thị V và anh Hoàng Văn T đều có việc làm, thu nhập, có chỗ ở nên đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Kết quả xác minh cho thấy: Chị V là giáo viên, hiện công tác tại huyện D; Anh T không thường xuyên ở nhà, theo Hội đức thánh chúa trời, có suy nghĩ và lối sống khác với mọi người; con chung của chị V và anh T đều đang sinh sống và học tập tại huyện D, tỉnh Nghệ An và do chị V chăm sóc là chủ yếu. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh T khai bản thân hiện đang làm công tác giảng dạy tại Hà Nội, cứ cuối tuần mới về nhà, nếu công việc bận thì hai tuần mới về nhà 1 lần. Vì vậy, cho thấy chị V có điều kiện thuận lợi hơn trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung; đảm bảo tốt cho sự phát triển thể chất, tâm sinh lý cho các cháu.

Cháu Hoàng Vân N là con lớn nhất, nhận thức lớn hơn hai em, có khả năng tự chăm sóc cho bản thân tốt hơn hai em, cháu cũng đã có lời khai trình bày nguyện vọng được ở với bố nên cần giao cháu Vân N cho anh Hoàng Văn T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện nuôi dưỡng con chung của anh T, phù hợp với nguyện vọng của cháu N. Cháu Hoàng Gia K và cháu Hoàng Vân K1 còn nhỏ cần có sự chăm sóc trực tiếp từ người mẹ; bản thân cháu K cũng đã có lời khai trình bày nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy cần giao cháu Gia K và Vân K1 cho chị Hoàng Thị V trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho cho chị V và anh T do không ai yêu cầu. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc đổi người trực tiếp nuôi con. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Hoàng Thị V và anh Hoàng Văn T

2. Về con chung: Giao con chung là Hoàng Vân N, sinh ngày 23/10/2011 cho anh Hoàng Văn T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục;

Giao 02 con chung là Hoàng Gia K, sinh ngày 22/08/2013 và Hoàng Vân K1, sinh ngày 21/11/2019 cho chị Hoàng Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Hoàng Thị V và anh Hoàng Văn T.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Diên Châu theo biên lai số 0011006 ngày 28/11/2023.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hồng Nhung